TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2021/QĐST- HNGĐ	*B, ngày 23 tháng 04 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Kiều T** - SN: 1978

Địa chỉ: số 214/7, khóm Bờ Tây, phường Nhà Mát, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Thành Liêm** - SN: 1974

Địa chỉ: số 214/7, khóm Bờ Tây, phường Nhà Mát, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 04 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 04 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Kiều T và ông Phạm Thành L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Kiều T và ông Phạm Thành L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Cháu Phạm Tiến Tr, sinh ngày 06/05/2001 đã thành niên, bà T và ông L không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Phạm Ngọc Bích Tr1, sinh ngày 16/04/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu Tr1 đang sống cùng bà T và ông L); Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản chung: Bà Phạm Kiều T và ông Phạm Thành L thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Phạm Kiều T tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007478 ngày 04-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu; đối trừ án phí phải nộp, bà T được hoàn lại 150.000 đồng.

2.5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tp. B;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc